

Số: /KH-UBND

Na Rì, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Na Rì năm học 2022 - 2023

A. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT);

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách

năm 2022;

Công văn số 1559/UBND-VXNV ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) Bắc Kạn về việc chưa quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc trong việc tuyển sinh vào trường PTDT nội trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 31/03/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn quy định đối tượng ưu tiên và điểm cộng ưu tiên trong tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Công văn số 762/SGDĐT-QLCLGD-CNTT ngày 15/4/2022 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức tuyển sinh lớp 6 trung học cơ sở (THCS), lớp 6 PTDTNT THCS năm học 2022 - 2023.

B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tuyển sinh vào trường PTDT Nội trú huyện Na Rì năm học 2022 - 2023 đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh theo quy định.

Công tác tuyển sinh phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh.

C. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

I. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH, ĐỊA BÀN TUYỂN SINH

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 70 học sinh

(Có bảng phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh kèm theo).

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

1. Đối tượng tuyển thẳng

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người gồm: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn *(theo kết quả điều tra dân số năm 2019).*

- Học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh đạt giải quốc gia, quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

2. Đối tượng 1

- Điều kiện dự tuyển: Học sinh thuộc đối tượng 1 khi có đủ các điều kiện sau:

+ Là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên *(tính đến ngày 25/5/2022)* ở các xã vùng III và các thôn đặc biệt khó khăn *(ngoài các xã vùng III)* theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ hoặc ở các thôn đặc biệt khó khăn *(ngoài các xã vùng III)* theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.

+ Bản thân học sinh học 03 năm trở lên *(trong đó có lớp 5)* tại trường tiểu học, trường liên cấp có cấp tiểu học của xã, thị trấn nơi học sinh có hộ khẩu

thường trú (đối với xã giáp ranh: Học sinh có thể sang học tại trường của xã liền kề).

- Chỉ tiêu tuyển sinh: **68**.

3. Đối tượng 2: Không tuyển sinh (theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT và Công văn số 1559/UBND-VXNV).

4. Đối tượng 3

- Điều kiện dự tuyển: Học sinh là dân tộc Kinh có đủ các điều kiện sau:

+ Có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày 25/5/2022) ở các xã vùng III và các thôn đặc biệt khó khăn (ngoài các xã vùng III) theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ hoặc ở các thôn đặc biệt khó khăn (ngoài các xã vùng III) theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.

+ Bản thân học sinh học 03 năm trở lên (trong đó có lớp 5) tại trường tiểu học, trường liên cấp có cấp tiểu học của xã, thị trấn nơi học sinh có hộ khẩu thường trú (đối với xã giáp ranh: Học sinh có thể sang học tại trường của xã liền kề).

- Chỉ tiêu tuyển sinh: Không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới. Khi tuyển dân tộc Kinh thì tính vào chỉ tiêu của đối tượng 1.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: **02**.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN CHUNG VÀ HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện dự tuyển chung

1.1. Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh.

1.2. Tuổi của học sinh dự tuyển: Thực hiện theo Điều 33 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

1.3. Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học năm học 2021 - 2022.

* **Lưu ý:** Học sinh dự tuyển vào trường PTDTNT huyện vẫn được dự tuyển vào các trường có cấp THCS tại địa phương theo vùng tuyển.

2. Hồ sơ dự tuyển

2.1. Đơn xin dự tuyển;

2.2. Giấy khai sinh;

2.3. Sổ hộ khẩu. Trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận hộ khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương;

2.4. Học bạ Tiểu học;

2.5. Giấy chứng nhận có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do UBND cấp xã cấp nếu quá tuổi;

2.6. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

2.7. Hai phong bì thư có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của học sinh.

* **Lưu ý:**

- Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, học bạ có thể dùng bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu.

- Tất cả các loại hồ sơ nêu trên đựng trong một túi hồ sơ theo quy định. Sau khi trúng tuyển học sinh phải nộp bản gốc các loại hồ sơ, trường PTDT nội trú kiểm tra, đối chiếu lại nếu không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện thì loại khỏi danh sách trúng tuyển và báo cáo UBND huyện để xử lý.

3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày **05/6/2022** đến ngày **20/6/2022**.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Tại trường PTDTNT huyện Na Rì.

IV. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Vận dụng theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành theo Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014, Thông tư 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; ban hành kèm Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn quy định đối tượng ưu tiên và điểm cộng ưu tiên trong tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Quy đổi chế độ ưu tiên sang điểm như sau:

1. Ưu tiên 1:

Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng sau:

a) Con liệt sĩ;

b) Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

c) Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

d) Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

e) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

2. Ưu tiên 2:

Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng sau:

a) Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

b) Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

c) Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

d) Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

3. Ưu tiên 3:

Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng sau:

a) Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

b) Người dân tộc thiểu số;

* Những học sinh nằm trong các nhóm đối tượng khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cộng điểm ưu tiên cao nhất.

V. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Tuyển sinh theo hình thức xét tuyển, cụ thể:

1. Điểm xét tuyển

1.1. Điểm xét tuyển = Điểm quy đổi 1 + Điểm quy đổi 2 + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- Điểm quy đổi 1 là tổng điểm quy đổi đánh giá định kỳ về học tập và điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm học lớp 5 của các môn học Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và Địa lý.

- Điểm quy đổi 2 là tổng điểm quy đổi đánh giá định kỳ về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học lớp 5.

- Điểm ưu tiên là điểm quy đổi chế độ ưu tiên như trên.

1.2. Cách tính điểm quy đổi 1, 2

- *Điểm quy đổi 1:*

+ Nếu đánh giá định kỳ về học tập cuối năm học lớp 5 xếp loại “Hoàn thành tốt” thì điểm quy đổi là điểm kiểm tra định kỳ tương ứng của các môn học.

+ Nếu đánh giá định kỳ về học tập cuối năm học lớp 5 xếp loại “Hoàn thành”, điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học lớp 5 được: 5, 6, 7 thì điểm quy đổi tương ứng là: 5, 6, 7.

+ Nếu đánh giá định kỳ về học tập cuối năm học lớp 5 xếp loại “Hoàn thành”, điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học lớp 5 được: 8, 9, 10 thì điểm quy đổi tương ứng là: 7, 8, 9.

- *Điểm quy đổi 2:*

+ Nếu đánh giá định kỳ về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học lớp 5 xếp loại “Tốt” thì điểm quy đổi là 10 điểm;

+ Nếu đánh giá định kỳ về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học lớp 5 xếp loại “Đạt” thì điểm quy đổi là 7 điểm;

2. Nguyên tắc xét tuyển

2.1. Xét tuyển thẳng đối với các đối tượng được tuyển thẳng và có đủ hồ sơ hợp lệ

Khi tuyển thẳng học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người hoặc học sinh thuộc đối tượng 1 thì thuộc đối tượng tuyển sinh nào tính vào chỉ tiêu dân tộc, địa bàn tuyển sinh của đối tượng đó.

2.2. Xét tuyển đối với đối tượng 1.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao và số chỉ tiêu đã trừ trong xét tuyển thẳng (nếu có), thực hiện xét tuyển theo điểm xét tuyển từ điểm cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu. Trường hợp xã, thị trấn không đủ chỉ tiêu theo dân tộc đã phân bổ thì xét lần lượt theo thứ tự sau cho đến đủ chỉ tiêu:

+ Xét chuyển đổi sang dân tộc khác cùng đối tượng (đối tượng 1) của xã,

thị trấn đó (nếu có tờ trình chuyển đổi dân tộc của UBND xã, thị trấn) theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp. Hồ sơ thuộc đối tượng chuyển đổi dân tộc **không được** tham gia xét bù cho các chỉ tiêu còn thiếu hoặc xét tuyển bổ sung;

+ Xét trong số hồ sơ còn lại cùng đối tượng (*đối tượng 1*) của xã, thị trấn đó, không phân biệt dân tộc theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp;

+ Xét trong số hồ sơ còn lại cùng đối tượng (*đối tượng 1*) trong toàn huyện, không phân biệt dân tộc theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp;

2.3. Xét tuyển đối với đối tượng 3:

Đối với chỉ tiêu dân tộc Kinh trong toàn huyện thì xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu được giao. Nếu không đủ chỉ tiêu được giao thì xét trong số hồ sơ còn lại của đối tượng 1 (*không phân biệt dân tộc*) theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp.

2.4. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều học sinh điểm xét tuyển bằng nhau

Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều học sinh điểm xét tuyển bằng nhau thì xét theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Dân tộc (*thứ tự ưu tiên*): Dân tộc Sán Chí; dân tộc Sán Chỉ; dân tộc Sán Chay, dân tộc Sán Diu; dân tộc Mường, dân tộc Mông; dân tộc Dao;

+ Tổng điểm quy đổi 1 và điểm quy đổi 2 cao hơn;

+ Tổng điểm quy đổi 1 cao hơn;

+ Tổng điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm học lớp 5 của môn Toán và Tiếng Việt cao hơn;

+ Tổng điểm bài kiểm tra đánh giá định kỳ cuối năm học lớp 4 của các môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và Địa lý cao hơn;

+ Tổng điểm bài kiểm tra đánh giá định kỳ cuối năm học lớp 4 của môn Toán và Tiếng Việt cao hơn; xét tương tự lần lượt ở các lớp 3, 2, 1;

+ Tổng điểm bài kiểm tra đánh giá định kỳ cuối học kỳ I lớp 5 của môn Toán, Tiếng Việt cao hơn; xét tương tự lần lượt ở các lớp 4, 3, 2, 1;

+ Tổng điểm bài kiểm tra giữa học kỳ II lớp 5 của môn Toán, Tiếng Việt cao hơn; xét tương tự lần lượt ở các lớp 4, 3, 2, 1;

+ Nếu vẫn bằng nhau thì Hội đồng xét duyệt tuyển sinh thảo luận và quyết định phương án xét tuyển.

*** Lưu ý:**

- Việc xét tuyển phải thực hiện theo từng đối tượng (*đối tượng 1, đối tượng 3*), trường hợp không còn hồ sơ của đối tượng đó dự tuyển thì mới xét sang đối tượng khác.

3. Xét tuyển bổ sung (đầu năm học)

Trong trường hợp học sinh đã trúng tuyển vào trường nhưng không theo học, hoặc chuyển trường, để đảm bảo số lượng chỉ tiêu được giao, tiến hành xét tuyển sinh bổ sung vào lớp 6 (*xét trong số những hồ sơ dự tuyển ban đầu còn lại*).

3.1. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét trong toàn huyện (*không phân biệt dân tộc*) theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đủ số lượng chỉ tiêu được giao của đối tượng 1, đối tượng 3 (*hồ sơ của đối tượng nào thì xét bù cho đối tượng đó*).

- Trường hợp nếu đối tượng 1 hết hồ sơ dự tuyển thì chuyển chỉ tiêu còn thiếu cho đối tượng 3 và ngược lại (*nếu còn hồ sơ*) xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp.

- Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều học sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì thực hiện theo nguyên tắc xét tuyển tại mục 2.4.

3.2. Hội đồng tuyển sinh trường

Tiến hành xét tuyển sinh bổ sung; lập biên bản và danh sách học sinh trúng tuyển, hoàn thành **chậm nhất ngày 20/9/2022**. Trình Ban tuyển sinh huyện (*qua Phòng Giáo dục và Đào tạo*) để Ban tuyển sinh huyện tổ chức xét duyệt **trước ngày 27/9/2022**.

D. TUYỂN SINH BỔ SUNG VÀO LỚP 7, 8, 9.

I. CHỈ TIÊU TUYỂN BỔ SUNG

- Căn cứ vào số học sinh thực tế đang học, trường PTDT nội trú trình và tiến hành tuyển bổ sung không quá số lượng chỉ tiêu đã được UBND tỉnh giao (*theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022*) và mỗi lớp khối 7, khối 8, khối 9 không vượt quá 35 học sinh.

- Trường PTDT nội trú huyện thông báo chỉ tiêu tuyển sinh bổ sung gửi UBND các xã, thị trấn, các trường có cấp THCS thuộc địa bàn tuyển sinh trước tiến hành xét tuyển sinh bổ sung.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh khi có đủ các điều kiện sau:

+ Là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (*tính đến ngày 31/8/2022*) ở các xã vùng III và các thôn đặc biệt khó khăn (*ngoài các xã vùng III*) theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ hoặc ở các thôn đặc biệt khó khăn (*ngoài các xã vùng III*) theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.

- Bản thân học sinh đã học lớp 6 năm học 2021-2022 và đang học lớp 7 năm học 2022-2023 (*đối với học sinh tuyển bổ sung vào lớp 7*), đã học lớp 7 năm học 2021-2022 và đang học lớp 8 năm học 2022-2023 (*đối với học sinh tuyển bổ sung vào lớp 8*), đã học lớp 8 năm học 2021-2022 và đang học lớp 9 năm học 2022-2023 (*đối với học sinh tuyển bổ sung vào lớp 9*) tại các trường có cấp THCS của xã, thị trấn nơi học sinh có hộ khẩu thường trú (*Đối với xã vùng giáp ranh: học sinh có thể sang học tại trường của xã liền kề; nếu xã không có*

trường có cấp THCS: học sinh học ở trường có cấp THCS ở xã liền kề thuộc địa bàn tuyển sinh).

2. Điều kiện dự tuyển

Học sinh xếp loại hạnh kiểm và học lực từ Khá trở lên các năm học cấp THCS. Đối với học sinh dân tộc Sán chỉ, Sán chỉ, Sán chay, Sán diu, Mông, Dao, Mường: Xếp loại hạnh kiểm từ Khá trở lên; xếp loại học lực từ Trung bình trở lên (*đối với học sinh lớp 7 dự tuyển bổ sung vào lớp 8*), học lực từ Đạt trở lên (*đối với học sinh lớp 6 dự tuyển bổ sung vào lớp 7*).

Học sinh học theo mô hình trường học mới, việc chuyển đổi xếp loại học lực, hạnh kiểm theo Công văn số 1461/BGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2019 của Bộ GD&ĐT về việc xét tốt nghiệp học sinh mô hình trường học mới.

3. Hồ sơ dự tuyển

- Đơn xin dự tuyển (*theo mẫu*), có xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường (*năm học 2021-2022*);
- Giấy khai sinh;
- Sổ hộ khẩu. Trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận hộ khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương;
- Bản photo học bạ cấp THCS (*có dấu giáp lai của trường*);
- Giấy cam kết không nhận trang thiết bị ban đầu được cấp theo TTLT số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 (*theo mẫu của trường PTDTNT huyện*);
- Hai phong bì thư có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của học sinh.

*** Lưu ý:**

- Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu có thể dùng bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu.
- Tất cả các loại hồ sơ nêu trên đựng trong một túi hồ sơ theo quy định. Sau khi trúng tuyển học sinh phải nộp bản gốc các loại hồ sơ, các trường kiểm tra, đối chiếu lại, nếu không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện thì loại khỏi danh sách trúng tuyển và báo cáo UBND huyện để xử lý.

4. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian nộp hồ sơ trước **ngày 17/9/2022**.
- Địa điểm nộp hồ sơ: Tại trường PTDTNT huyện Na Rì (*học sinh mua và nộp hồ sơ tại trường PTDTNT huyện trong thời gian từ ngày 12/9/2022 đến ngày 17/9/2022*).

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển

1. Điểm xét tuyển: Là trung bình cộng điểm trung bình môn cả năm các môn học có tính điểm của năm học 2021 - 2022 (*điểm trung bình cộng làm tròn theo nguyên tắc toán học, lấy đến hai chữ số thập phân*).

2. Nguyên tắc xét tuyển

- Căn cứ số lượng chỉ tiêu còn thiếu, tiến hành xét tuyển sinh bổ sung

trong toàn địa bàn tuyển sinh (*không phân biệt dân tộc*) theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

- Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều học sinh điểm xét tuyển bằng nhau thì xét theo thứ tự ưu tiên sau: Dân tộc Sán Chí; dân tộc Sán Chí; dân tộc Sán Chay; dân tộc Sán Diu; dân tộc Mường; dân tộc Mông; dân tộc Dao; có tổng điểm trung bình môn cả năm của môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm của môn Toán, Ngữ văn cao hơn; có trung bình cộng điểm trung bình môn học kỳ II các môn học có tính điểm cao hơn; có tổng điểm trung bình môn học kỳ II của môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh cao hơn; có tổng điểm trung bình môn học kỳ II của môn Toán, Ngữ văn cao hơn (*tính năm học 2021-2022*).

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Hướng dẫn công tác tuyển sinh và cung cấp mẫu hồ sơ tuyển sinh cho trường PTDT nội trú.

- Tổ chức thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh.

- Tham mưu tổ chức xét duyệt tuyển sinh, phê duyệt kết quả tuyển sinh và lập hồ sơ báo cáo UBND huyện.

2. UBND các xã, thị trấn

- Niêm yết công khai kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh tại đơn vị.

- Thông báo kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh bằng nhiều hình thức, chỉ đạo ban ngành, đoàn thể của địa phương, các thôn, bản, tổ dân phố thông báo kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh tới các thôn/bản/tổ trên địa bàn.

3. Các trường có cấp Tiểu học và THCS trực thuộc huyện

Thông báo kế hoạch tuyển sinh và tạo điều kiện để học sinh có đủ hồ sơ đăng ký dự tuyển.

4. Trường PTDT Nội trú huyện

- Triển khai thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm học 2022 - 2023.

- Phối hợp với Ban Tuyển sinh huyện và Phòng GD&ĐT tuyên truyền hiệu quả kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh đến tất cả các xã, thị trấn, các trường có cấp tiểu học, cấp THCS thuộc địa bàn tuyển sinh.

- Niêm yết công khai kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh tại trường.

- Lập danh sách Hội đồng tuyển sinh của nhà trường trình UBND huyện ban hành Quyết định trước ngày **22/5/2022** (*qua bộ phận chuyên môn THCS, Phòng GD&ĐT*). Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (*Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

- Chuẩn bị hồ sơ cho học sinh theo mẫu quy định, hướng dẫn học sinh lập hồ sơ đăng ký dự tuyển (*cả tuyển bổ sung*).

- Thu, kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển của học sinh theo vùng tuyển; thu nhận hồ sơ của học sinh;

- Lập danh sách học sinh đăng ký dự tuyển (*05 bản theo mẫu*), tổ chức xét tuyển theo chỉ tiêu được giao, lập biên bản xét tuyển, danh sách học sinh đề nghị tuyển (*06 bản theo mẫu*) và nộp cùng toàn bộ hồ sơ học sinh khi đến xét duyệt tại UBND huyện. Biên bản xét tuyển phải có đủ họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng tuyển sinh (*cả tuyển bổ sung*).

- Tổ chức xét duyệt tuyển sinh lớp 6 xong trước ngày **11/7/2022**; xét duyệt tuyển sinh bổ sung vào lớp 6, 7, 8, 9 xong trước ngày **20/9/2022**.

- Cử thành phần tham gia xét duyệt với ban Tuyển sinh huyện: Gồm 03 người (*Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng tuyển sinh*).

- Niêm yết danh sách học sinh trúng tuyển tại trường và thông báo kết quả trúng tuyển đến từng học sinh.

- Lưu trữ hồ sơ của học sinh trúng tuyển cho đến khi học sinh tốt nghiệp THCS.

5. Lịch duyệt của Ban Tuyển sinh huyện:

- Xét duyệt tuyển sinh lớp 6: Xong trước ngày **15/7/2022**.

- Xét duyệt bổ sung: Xong trước ngày **27/9/2022**.

(Lịch chi tiết thông báo sau)

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào trường PTDT nội trú huyện Na Rì năm học 2022 - 2023, UBND huyện đề nghị UBND các xã, thị trấn, Ban Giám hiệu nhà trường phổ biến đến các học sinh thuộc đối tượng, tạo điều kiện để các học sinh có nhu cầu dự tuyển có đủ hồ sơ đăng ký. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với Phòng Giáo dục và Đào tạo Na Rì (*CM THCS, số điện thoại: 0943 942 800*) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT HU, HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Các trường có cấp TH, THCS thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn.
- Công TTĐT huyện (đưa tin);
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Quang Kế